

Số: 49/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quyết định nhập vụ án số: 896/2024/QĐDS-ST ngày 13/9/2024.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 730/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2024

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: -Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954

Địa chỉ: A Q, Phường A, quận G (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh.

-Bà Bùi Thị Minh L – sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 4 N, Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện uỷ quyền bà H, bà L: Ông Đặng Gia H1 – sinh năm: 1978. (Giấy uỷ quyền số: 007947 ngày 12/6/2024 và Giấy uỷ quyền số: 11139 ngày 01/7/2024 của Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa chỉ: 1 Đường Số D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 1 Q, Phường A, quận G (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 200.000.000 đồng, tổng cộng: 900.000.000 (chín trăm triệu đồng).

-Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị M Lý số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng).

Việc trả nợ cho bà H, bà L ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

-Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Thị Thu T được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1. Nên Tòa án không xem xét.

-Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1. Nên Tòa án không xem xét.

Căn cứ khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vậy nên, bà Bùi Thị Minh L phải chịu án phí là: 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0014050, ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh. H2 lại cho bà L số tiền 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành

và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV7;
- Phòng THADSKV7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thành Phong